

**DANH SÁCH CÁC THUỐC, CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT VI PHẠM VỀ CHẤT LƯỢNG THUỐC
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC THÔNG BÁO THU HỒI TỪ ĐỢT 1 ĐẾN ĐỢT 18**

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
ĐỢT 1 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 12/12/2012								
1	Piroxicam (VD-4660-08)	Piroxicam 10mg	Viên nang cứng (Vỉ 10 viên)	Công ty CP Dược Minh Hải	Việt Nam	3	484/QLD-CL, ngày 14/1/2011	2011
2	Pemeliv (VD-1881-06)	Thiamin nitrat Riboflavin Pyridoxin Sylibin	Viên nang mềm (Hộp x 12 vỉ x 5 viên)	Công ty CP DP Hà Tây	Việt Nam	3	486/QLD-CL, ngày 14/1/2011	2011
3	Glotaldol ®1000 (VD-8632-09)	Paracetamol 1000mg	Viên bao phim (Vỉ bấm 10 viên)	Công ty CP DP Glomed	Việt Nam	3	487/QLD-CL, ngày 14/01/2011	2011
4	Daedox tab (VD-9930-05)	Cefpodoxime 100mg	Viên bao phim (Hộp x 1 vỉ x 10 viên)	Dae Han New Pharm Co., Ltd.	Korea	2	489/QLD-CL, ngày 14/1/2011	2011
5	Xổ Độc Gan Giải Phong hoàn (V430-H12-10)	-	Hoàn cứng	Cơ sở kinh doanh thuốc YHCT Phương Hòa Đường, 21 Đường Chi Lăng, TX. Châu Đốc, tỉnh An Giang	Việt Nam	3	708/QLD-CL, ngày 19/01/2011	2011
6	Siêu Hùng Hoàn Thiên Thảo (V1050-H12-10)	-	Hoàn cứng	DNTN bào chế đông dược Thiên Thảo	Việt Nam	3	709/QLD-CL, ngày 19/01/2011	2011
7	Hóa Ban Bích Ngọc Đơn (V145-H12-10)	-	Hoàn cứng (Hộp 10 gói)	Cơ sở SX thuốc đông dược Vạn An Dược Hăng, 1A/1 Bàu Bàng, TX. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Việt Nam	3	710/QLD-CL, ngày 19/1/2011	2011

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
8	OFISS 200 (VN-6293-08)	Cefpodoxime Proxetil capsules 200mg	Viên nang (Hộp x 02 vỉ x 10 viên)	Yeva Therapeutics Pvt., Ltd.	India	2	914/QLD-CL, ngày 24/1/2011	2011
9	Tifaxcin-100 (VN-3448-07)	Cefixime 100mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống (Hộp x 10 gói)	XL Laboratories Pvt., Ltd.	India	2	915/QLD-CL, ngày 24/1/2011	2011
10	Cefpomed-200 (VN-8050-09)	Cefpodoxime Proxetil capsule 200mg	Viên nang cứng (Hộp x 1 vỉ x 10 viên)	Medico Remedies Pvt., Ltd.	India	3	916/QLD-CL, ngày 24/1/2011	2011
11	An thần bổ tâm - F (V888-H12-10)	-	-	Công ty TNHH DP Fito Pharma	Việt Nam	3	1433/QLD-CL, ngày 29/1/2011	2011
12	Tatilin (V1388-H12-10)	Sa sâm, sinh địa, hoài sơn, thạch hộc, sơn thù, mẫu đơn bì, câu kỷ tử, thiên hoa phấn, ích trí nhân, tang phiêu diêu, ngũ vị tử	Hoàn cứng (Viên hoàn đựng trong gói kín, gói 5g, hộp 10 gói)	Công ty TNHH DP Hoa Sen	Việt Nam	2	3195/QLD-CL, ngày 11/3/2011	2011
13	Linh Chi thiên ma thấu cốt hoàn (V521-H12-10)	-	Hoàn cứng	Cơ sở SX thuốc YHCT Thủy Xương, số 4 Lô O, đường số 17, Khu dân cư Bình Hưng, Quận Bình Chánh, Tp.HCM	Việt Nam	3	3196/QLD-CL, ngày 11/3/2011	2011
14	Kim nguyên tan sỏi hoàn (V863-H12-10)	-	Hoàn cứng	Cơ sở SX YHCT Kim Nguyên Đường, 3143 Phạm Thế Hiền, phường 7, Q.8, Tp.HCM	Việt Nam	3	3579/QLD-CL, ngày 17/3/2011	2011

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
15	Bá Đã Sơn Quân Hoàn - 20g (V1518-H12-10)	Xuyên khung, Hương phụ, Hà thủ ô đỏ, Sài hồ, Diếp cá, Ngải cứu, Nhũ hương, Hạ khô thảo, Đương qui, Hoàng liên	Hoàn cứng (Thuốc đóng trong chai nhựa)	Cơ sở Rạng Đông, 18 đường 44 Lý Chiêu Hoàng, Q.6, Thành phố HCM	Việt Nam	3	3580/QLD-CL, ngày 17/3/2011	2011
16	Thiên Hòa Ban Dược (V378-H12-10)	-	Thuốc nước (chai thủy tinh, bao bì bằng hộp giấy)	Cơ sở Thiên Hòa Đường, 341 Bến Phú Lâm, phường 9, Q.6, Thành phố HCM	Việt Nam	3	3581/QLD-CL, ngày 17/3/2011	2011
17	Camedol 7.5 (VN-3093-07)	Meloxicam 7.5mg	Viên nén (Hộp x 10 vỉ x 10 viên)	Holden Medical Ltd.	Cyprus	3	3582/QLD-CL, ngày 17/03/2011	2011
18	NEODEX 5ml (VNB-4408-05)	Dexamethason Neomycin sulfat	Thuốc nhỏ mắt (Hộp x 1 lọ x 5ml)	Công ty CP DP Dược liệu Pharmedic	Việt Nam	3	3583/QLD-CL, ngày 17/3/2011	2011
19	Ciprofloxacin tablets USP 500mg (VN-8882-04)	Ciprofloxacin 500mg	Viên nén (Hộp x 10 vỉ x 10 viên)	Umedica Laboratories Pvt., Ltd.	India	3	3584/QLD-CL, ngày 17/3/2012	2011
20	Diclofenac tablets BP 50mg (VN-9574-05)	Diclofenac 50mg	Viên nén bao tan trong ruột (Hộp x 10 vỉ x 10 viên)	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.	India	3	3585/QLD-CL, ngày 17/03/2011	2011
21	Alphachymotrysi n (VD-11355-10)	Chymotrysin 2100 USP unit	Viên nén (Hộp 2 vỉ, 100 vỉ x 10 viên nén)	Công ty TNHH SX - TM DP N.I.C	Việt Nam	3	3747/QLD-CL, ngày 21/3/2011	2011
22	Phong Thấp Thiên Ma Đơn (VND-1499-04)	-	Hoàn cứng (Gói 6g)	Cơ sở đông dược Xanh, 339H Hậu Giang, phường 5, Q.6, Thành phố HCM	Việt Nam	3	3974/QLD-CL, ngày 23/3/2011	2011

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
23	HYPOTEX (VN-6779-08)	Captopril 25mg	Viên nén (Viên ép vỉ bấm, vỉ 10 viên)	Union Korea Pharm Co., Ltd.	Korea	2	5734/QLD-CL, ngày 26/04/2011	2011
24	Long Phong Cao (VND-4294-05)	-	thuốc nước (Chai 280ml)	Cơ sở Hạnh Hòa (B12/29A ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Tp.HCM	Việt Nam	3	6023/QLD-CL, ngày 27/4/2011	2011
25	Captopril 25mg (VN-1748-06)	Captopril 25mg	Viên nén (Vỉ x 10 viên)	Hankook Korus Pharm Co., Ltd.	Korea	3	6395/QLD-CL, ngày 9/5/2011	2011
26	ALDOZEN (VNB-3942-05)	Alphachymotrypsin 21micro katal	Viên nén (Viên ép vỉ bấm, vỉ 10 viên, hộp 3 vỉ)	Công ty CP S.P.M	Việt Nam	3	7478/QLD-CL, ngày 27/5/2011	2011
27	COXICAM-7.5 (VN-3887-07)	Meloxicam tablets BP 7.5mg	Viên nén (Viên ép vỉ bấm, vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ)	Euro Healthcare	India	3	7810/QLD-CL, ngày 07/06/2011	2011
28	Alphachymotryps in (VD-3966-07)	Alphachymotrypsin	Viên nén (Vỉ 10 viên)	Công ty CP Dược TƯ Mediplantex	Việt Nam	3	8515/QLD-CL, ngày 22/6/2011	2011
29	OMAG-20 (VD-3273-07)	Omeprazole 20mg	Viên nén bao phim tan trong ruột (Viên ép vỉ bấm, vỉ 7 viên, hộp 4 vỉ)	Công ty TNHH DP Đạt Vi Phú	Việt Nam	2	8516/QLD-CL, ngày 22/6/2011	2011
30	CEFILIFE-100 (VN-3486-07)	Cefixime 100mg	Viên nén bao phim (Vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ)	Eurolife Healthcare Pvt., Ltd.	India	3	8517/QLD-CL, ngày 22/6/2011	2011

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
31	Calci-D (VD-5448-08)	Calci, Vitamin D	Viên nén bao phim (Viên ép vĩ 10 viên)	Công ty CP DP Khánh Hòa	Việt Nam	3	8519/QLD-CL, ngày 22/6/2011	2011
32	CSTAT (VN-10276-05)	Ciprofloxacin 500mg	viên bao phim (Vĩ 10 viên)	Zee Laboratories	India	3	8668/QLD-CL, ngày 24/06/2011	2011
33	Viên hoàn đại tràng T-H (VNA-4322-05)	-	Hoàn cứng (Hộp 10 gói x 5g hoàn cứng)	Xí nghiệp DP 120 - Công ty Dược và TTBYT Quân đội	Việt Nam	3	8677/QLD-CL, ngày 27/6/2011	2011
34	Khu phong Thanh can hoàn 25g (V1559-H12-10)	Đại hoàng, Xuyên sơn giáp, Thương nhĩ tử, Kim ngân hoa, Liên kiều, Ngưu bàng tử, Hoàng cầm, Thổ phục linh, Long đorm thảo, Nhân trần	Hoàn cứng	Cơ sở SX thuốc YHCT Nguyễn Minh Trí, 27/2A Lý Thường Kiệt, Thị trấn Hóc Môn, Tp.HCM	Việt Nam	3	8888/QLD-CL, ngày 4/7/2011	2011
35	PHADACZEN (VD-11005-10)	Serratiopeptidase 10mg	viên bao phim (Viên ép vĩ bấm, vĩ 10 viên, hộp 10 vĩ)	Công ty CP DP Cửu Long	Việt Nam	2	8889/QLD-CL, ngày 4/7/2011	2011
36	Calci-D (VD-5448-08)	Calci, Vitamin D	Viên nén bao phim (Vĩ 10 viên)	Công ty CP DP Khánh Hòa	Việt Nam	3	8890/QLD-CL, ngày 04/07/2011	2011
37	Dicloran (VN-0684-06)	Diclofenac Sodium Delayed - Release Tablets USP 50mg	Viên bao phóng thích chậm (Vĩ 10 viên)	Unique Pharmaceutical Labs.	India	2	9958/QLD-CL, ngày 20/07/2011	2011

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
38	C-MARKSANS 200 (VN-5496-10)	Cefixime tablets USP 200mg	Viên nén bao phim (Vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ)	Marksans Pharma Ltd.	India	3	9959/QLD-CL, ngày 20/7/2011	2011
39	Genpoxim (VN-4927-07)	Cefpodoxime 100mg	viên nang (Hộp x 03 vỉ x 04 viên)	General Pharmaceuticals Ltd.	Bangladesh	2	9960/QLD-CL, ngày 20/7/2011	2011
40	Cemediz (VN-9131-04)	Cetirizine dihydrochloride 10mg	Viên nén (Vỉ x 10 viên)	Medley Pharmaceuticals Ltd.	India	3	10233/QLD-CL, ngày 27/7/2011	2011
41	BIOLAC 500mg (QLSP-0046-08)	Men tiêu hóa	Thuốc bột (hộp x 10 gói)	Công ty Vắc xin và Sinh phẩm số 2	Việt Nam	2	9337/QLD-CL, ngày 11/7/2011	2011
42	BIOLAC 500mg (QLSP-0046-08)	Men tiêu hóa	viên nang (Hộp x 10 vỉ x 10 viên)	Công ty Vắc xin và Sinh phẩm số 2	Việt Nam	2	10234/QLD-CL, ngày 27/07/2011	2011
43	Tinidazole 500mg (VN-7891-09)	Tinidazol 500mg	Viên nén bao phim (Hộp 10 vỉ x 10viên)	XL Laboratories Pvt., Ltd.	India	2	10262/QLD-CL, ngày 28/7/2011	2011
44	OFISS 200 (VN-6293-08)	Cefpodoxime Proxetil 200mg	viên nang (Hộp x 02 vỉ x 10 viên)	Yeva Therapeutics Pvt., Ltd.	India	2	10624/QLD-CL, ngày 03/08/2011	2011
45	PENCID-100 (VN-4943-07)	Cefixime Capsules 100mg	viên nang (Hộp to x 10 hộp nhỏ x 01 vỉ x 10 viên)	Global Pharm Healthcare Pvt., Ltd.	India	3	10665/QLD-CL, ngày 04/08/2011	2011
46	Ommmed-20 (VN-2817-07)	Omeprazole capsules 20mg	viên nang (Vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ)	Medico Remedies Pvt., Ltd.	India	2	10910/QLD-CL, ngày 10/8/2011	2011

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
47	Thuốc bột trị đau bao tử Thái Điền (V1070-H12-10)	-	Thuốc bột (chai 50g)	Cơ sở Thanh Hải, 132 Bình Thới, phường 14, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	2	10911/QLD-CL, ngày 10/08/2011	2011
48	CSTAT (VN-10276-05)	Ciprofloxacin 500mg	Viên nén bao phim (Vỉ 10 viên)	Zee Laboratories	India	3	11011/QLD-CL, ngày 15/08/2011	2011
49	Omemax - 20 (VN-10745-10)	Omeprazole capsules 20mg	Viên nang cứng (Vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ)	Axon Drugs Pvt., Ltd.	India	2	11201/QLD-CL, ngày 17/8/2011	2011
50	Seachfol -Z (VN-2664-07)	Pantoprazole tablet 40mg	Viên nén (Hộp x 3 vỉ x 10 viên)	Overseas Laboratoires Pvt., Ltd.	India	2	11594/QLD-CL, ngày 26/8/2011	2011
51	Dongsung CAPTOPRIL (VN-5079-10)	Captopril 25mg	Viên nén (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Dongsung pharm. Co., Ltd.	Korea	3	11613/QLD-CL, ngày 29/8/2011	2011
52	Cường lực bổ thận hoàn (V1358-H12-10)	Thực địa, Hoài sơn, Hà thủ ô đỏ, Phục linh, Nhục thung dung, Đỗ trọng, Trạch tả, Đảng sâm..	Hoàn mềm (Hộp x 06 hoàn mềm x 10g)	Công ty CP đông dược 5- Fitopharm	Việt Nam	3	12038/QLD-CL, ngày 08/09/2011	2011
53	Song Long Vị Tố (VND-3960-05)	-	Thuốc bột (Hộp 45g, gói 3g)	Cơ sở Song Long (số 307B đường Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh)	Việt Nam	3	12061/QLD-CL, ngày 09/09/2011	2011
54	Diclofenac (VNB-4101-05)	Diclofenac solium 50mg	Viên bao tan trong ruột (Vỉ 10 viên)	Công ty CP DP Quảng Bình	Việt Nam	2	12122/QLD-CL, ngày 12/9/2011	2011

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
55	Cảm Xuyên Hương - Kigona (V1096-H12-10)	Xuyên khung, bạch chỉ, cam thảo bắc, gừng, quế nhục, hương phụ	viên nang (Vỉ 10 viên)	Công ty TNHH DP Kim Hoàng Ân	Việt Nam	3	12123/QLD-CL, ngày 12/9/2011	2011
56	CP 200 (VN-5129-10)	Cefpodoxime protexil capsule 200mg	viên nang (Hộp x 01 vỉ x 10 viên)	Celogen Pharma Pvt., Ltd.	India	2	12174/QLD-CL, ngày 12/9/2011	2011
57	CLOROCID (VD-9176-09)	Cloramphenicol 250mg	Viên nén (Hộp 10 vỉ x 10 viên; lọ 100 viên; lọ 400 viên nén)	Xí nghiệp DP 120 - Công ty Dược và TTBYT Quân đội	Việt Nam	3	12722/QLD-CL, ngày 23/9/2011	2011
58	Vitamin C OPC 500mg (VD-9458-09)	Vitamin C 500mg	viên bao phim (Viên ép vỉ bấm, vỉ 10 viên)	Công ty CP DP OPC	Việt Nam	3	12723/QLD-CL, ngày 23/9/2011	2011
59	Cefpodoxime proxetil 100mg (VN-4923-07)	Cefpodoxime 100mg	Viên nén bao phim (Vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ)	Minimed Laboratories Pvt., Ltd.	India	3	12724/QLD-CL, ngày 23/9/2011	2011
60	Cefixime Uphace 100 (VD-7608-09)	Cefixime 100mg	Thuốc bột (Hộp 10 gói)	Công ty CP DP TƯ 25 (UPHACE)	Việt Nam	2	12725/QLD-CL, ngày 23/9/2011	2011
61	Bổ phế dụ hen (VNB-3931-05)	-	viên nang (Vỉ 10 viên, hộp 2 vỉ)	Công ty TNHH DP Kim Hoàng Ân	Việt Nam	3	13435/QLD-CL, ngày 10/10/2011	2011
62	Tadalafil 50® (VD-12093-10)	Tadalafil 50mg	Viên nén bao phim (Hộp x 1 vỉ x 1 viên)	Xí nghiệp DP 150 (Cophavina)	Việt Nam	3	13623/QLD-CL, ngày 12/10/2011	2011
63	Dicloran® SR (VN-10391-05)	Diclofenac solium 100mg	viên bao phim (Vỉ 4 viên, hộp 25 vỉ)	Lekar Pharma Ltd.	India	3	13628/QLD-CL, ngày 12/10/2011	2011

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
64	Young II Captopril Tablet (VN-8978-09)	Captopril 25mg	Viên nén (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Young IL Pharm. Co., Ltd.	Korea	3	13630/QLD-CL, ngày 12/10/2012	2011
65	Vitamin K 5 mg (VD-10231-10)	Vitamin K 5mg	Viên nén (Vỉ x 20 viên)	Công ty CP DP Hà Tây	Việt Nam	2	13631/QLD-CL, ngày 12/10/2011	2011
66	Aloe Vera (VN-5901-08)	Cao lô hội đông khô	Viên nang mềm (Hộp x 10 vỉ x 10 viên)	Robinson Pharma Inc.	USA	2	14332/QLD-CL, ngày 26/10/2011	2011
67	Neopeptine (VN-5064-07)	Alpha amylase 100mg; Papain 100mg; Simethicone 30mg	Viên nang (Vỉ 10 viên)	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	India	3	14717/QLD-CL, ngày 03/11/2011	2011
68	OXIFIDE 200 (VN-10044-10)	Cefpodoxime Proxetil Tablets USP 200mg	Viên nén (Hộp x 01 vỉ x 10 viên)	Hyrio Laboratories Pvt., Ltd.	India	3	15876/QLD-CL, ngày 28/11/2011	2011
69	Delevon-5 (VN-5832-08)	Desloratadine 5mg	Viên nén bao phim (Vỉ 10 viên, hộp 5 vỉ)	ATOZ Pharmaceuticals Pvt., Ltd.	India	3	16188/QLD-CL, ngày 01/12/2011	2011
70	Fexidine (VN-8660-04)	Fexofenadine hydrochloride 120mg	Viên nén bao phim (Vỉ 10 viên)	Strides Arcolab Ltd.	India	2	16189/QLD-CL, ngày 01/12/2011	2011
71	GPRIL-50 (VN-5501-08)	Captopril Tablets USP 50mg	Viên nén (Vỉ 10 viên)	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	India	2	16936/QLD-CL, ngày 21/12/2011	2011
72	LAKANI (V1295-H12-10)	Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Diệp hạ châu, Đảng sâm, Đương quy, Nhân trần..	viên nang (Hộp x 03 vỉ x 10 viên)	Cơ sở SX thuốc thành phẩm Y Dược học Cổ truyền Dược thảo Nhất Nhất, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Việt Nam	2	17023/QLD-CL, ngày 22/12/2011	2011

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
73	Rovamycine® 3 M.I.U (VN-2484-06)	Spiramycin 3 M.I.U	Viên nén (Hộp x 02 vỉ x 05 viên)	Famar Lyon	France	3	17024/QLD-CL, ngày 22/12/2011	2011
74	Turifaton (QLĐB-172-10)	Dydrogesterone 10mg	Viên nén bao phim	Công ty CP sinh học DP Ba Đình	Việt Nam	1	1719/QLD-CL, ngày 13/2/2012	2012
75	Max-rifa (VN-2098-06)	Rifampicin 300mg	viên nang (vỉ x 10 viên)	Umedica Laboratories Pvt., Ltd.	India	3	2902/QLD-CL, ngày 9/3/2012	2012
76	FIXIWIN-100 (VN-11826-11)	Cefixime 100mg	Viên nén (Hộp 1 vỉ x 10 viên)	Mediwin Pharmaceuticals	India	2	2903/QLD-CL, ngày 9/3/2012	2012
77	Loreta-10 (VN-5928-08)	Loratadine 10mg	Viên nén (vỉ x 10 viên)	Holden Medical Ltd.	Cyprus	2	3250/QLD-CL, ngày 14/3/2012	2012
78	CENDOCOLD (VD-2625-07)	Paracetamol & Loratadin	viên nang (hộp x 10 vỉ x 10 viên)	Công ty TNHH MTV Dược TƯ 3	Việt Nam	3	3721/QLD-CL, ngày 21/3/2012	2012
79	Kalflam (VN-1672-06)	Diclofenac Potassium 50mg	Viên nén bao đường (hộp 10 vỉ, vỉ 10 viên)	XL Laboratories Pvt., Ltd.	India	2	3989/QLD-CL, ngày 29/3/2012	2012
80	Primodil 5 (VN-7260-08)	Amlodipine Besilate 5mg	Viên nén (vỉ x 10 viên)	Medley Pharmaceuticals Ltd.	India	2	3990/QLD-CL, ngày 29/3/2012	2012
81	Fexidine (VN-8842-04)	Fexofenadine hydrochloride 60mg	Viên nén (vỉ x 10 viên)	Strides Arcolab Ltd.	India	2	3991/QLD-CL, ngày 29/3/2012	2012
82	Cefixim 100 (VD-8580-09)	Cefixime 100mg	Thuốc bột (gói 2g)	Công ty CP DP Cửu Long	Việt Nam	2	3992/QLD-CL, ngày 29/3/2012	2012
83	Ranitidine (VN-9583-05)	Ranitidine 300mg	Viên nén bao phim (vỉ x 10 viên)	Minimed Laboratories Pvt., Ltd.	India	3	3993/QLD-CL, ngày 29/3/2012	2012

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
84	LORAMARK (VN-11174-10)	Loratadine 10mg	Viên nén (hộp x 10 vỉ x 10 viên)	Marksans Pharma Ltd.	India	2	4595/QLD-CL, ngày 05/04/2012	2012
85	Novazine (VD-0973-06)	Acetaminophen 500mg	Viên nén (viên ép vỉ bấm, vỉ 10 viên)	Công ty CP DP TV. Pharm	Việt Nam	2	4627/QLD-CL, ngày 5/4/2012	2012
86	BIOSUBTYL Forte (VN-173-0104)	B. subtilis L. acidophilus	Thuốc bột (hộp x 10 gói x 1g)	Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt	Việt Nam	2	4628/QLD-CL, ngày 05/04/2012	2012
87	ANOGIN (VD-2879-07)	Paracetamol 500mg	Viên nén (viên ép vỉ bấm, vỉ 10 viên)	Công ty CP DP TV. Pharm	Việt Nam	2	5047/QLD-CL, ngày 10/4/2012	2012
88	Clavophynamox 1000 (VN-6650-08)	Clavulanic acid Amoxicillin	Viên nén bao phim (viên ép vỉ bấm, vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ)	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.	India	3	5147/QLD-CL, ngày 11/4/2012	2012
89	Alphachymotryps in choay (VD-7250-09)	Alphachymotrypsin	Viên nén (viên nén ép vỉ bấm, vỉ 10 viên, hộp 2 vỉ)	Công ty CP DP Sanofi- Synthelabo Việt Nam	Việt Nam	3	5148/QLD-CL, ngày 11/4/2012	2012
90	Phước Linh Hóa Đầm Kim Đơn (V1224-H12-10)	Lá muồng, Hậu phác nam, Kim ngân hoa, Hắc sủu, Xa tiền tử	Hoàn cứng (Hộp 10 gói, gói 2g hoàn cứng)	Cơ sở Phước Linh	Việt Nam	3	5330/QLD-CL, ngày 13/4/2012	2012
91	Apo-Atenol (VN-2561-07)	Atenolol 100mg	Viên nén (lọ x 100 viên)	Apotex Inc.	Canada	3	5852/QLD-CL, ngày 23/4/2012	2012

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
92	Hoàn bổ thận âm (V932-H12-10)	-	hoàn cứng (túi 50g hoàn cứng)	Công ty CP DP Hải Phòng	Việt Nam	2	6315/QLD-CL, ngày 04/5/2012	2012
93	Nalidixic acid tablets BP 500mg (VN-1109-06)	Nalidixic acid 500mg	Viên nén bao phim (vỉ x 10 viên)	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.	India	3	6456/QLD-CL, ngày 8/5/2012	2012
94	MIMOSA (VD-6280-08)	???	viên bao phim (Hộp 05 vỉ x 10 viên)	Công ty CP DP OPC	Việt Nam	3	6840/QLD-CL, ngày 14/5/2012	2012
95	Cadirogyn (VD-5892-08)	Metronidazole 125mg Spriamycin 750.000 IU	(Hộp 02 vỉ x 10 viên)	Công ty TNHH US Pharma USA	Việt Nam	3	7492/QLD-CL, ngày 23/5/2012	2012
96	Omeprazol 20mg (VN-2889-07)	Omeprazol 20mg	viên nang (viên ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ.)	Swyzer Laboratories Ltd.	India	2	8974/QLD-CL, ngày 20/6/2012	2012
97	Đởm Kim Hoàn (VNB-2747-05)	-	Hoàn cứng (chai 240 hoàn)	Công ty CP DP OPC	Việt Nam	3	9135/QLD-CL, ngày 25/6/2012	2012
98	UMEXIM-100 (VN-3362-07)	Cefixime 100mg	viên nang (hộp 01 vỉ x 10 viên)	Umedica Laboratories Pvt., Ltd.	India	2	9258/QLD-CL, ngày 26/6/2012	2012
99	Unjex (VD-12706-10)	Cefaclor 250mg	viên nang (viên ép vỉ bấm, vỉ 10 viên.)	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	3	9840/QLD-CL, ngày 03/7/2012	2012

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
100	Samprazol (VN-2135-06)	Lansoprazole Delayed Release Capsules USP 30mg	viên nang (viên ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 3 vỉ.)	AMN Life Science Pvt., Ltd.	India	3	9842/QLD-CL, ngày 03/7/2012	2012
101	ACIPTA (VN-1990-06)	Amlodipine Besilate 5mg	Viên nén bao phim (Viên ép vỉ bấm, vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ)	Clesstra Healthcare Pvt., Ltd.	India	3	10594/QLD-CL, ngày 18/7/2012	2012
102	Diclofenac (VD-6003-08)	Diclofenac Na 50mg	Viên nén bao phim (viên ép vỉ, vỉ 10 viên)	Công ty CP Dược TƯ' Mediplantex	Việt Nam	3	10689/QLD-CL, ngày 20/7/2012	2012
103	Dospirin (VD-12548-10)	Aspirin 81mg	Viên nén (viên ép vỉ bấm, vỉ 10 viên, hộp 6 vỉ)	Công ty CP S.P.M	Việt Nam	2	12350/QLD-CL, ngày 17/8/2012	2012
104	CEPLOR VPC 250 (VD-8591-09)	Cefaclor 250mg	Thuốc bột (Thuốc bột đựng trong gói kín, nhãn in trên bao bì)	Công ty CP DP Cửu Long	Việt Nam	2	12552/QLD-CL, ngày 23/8/2012	2012
105	Toptropin (VD-7414-09)	Piracetam 800mg	Thuốc viên (Viên ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ)	Công ty CP dược Đồng Nai	Việt Nam	3	12794/QLD-CL, ngày 27/8/2012	2012
106	Omepro (VN-3379-07)	Omeprazol 20mg	viên nang (viên ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ)	Maiden Pharmaceuticals Ltd.	India	2	13391/QLD-CL, ngày 6/9/2012	2012

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
107	Nalidixic acid tablets BP 500mg (VN-10137-05)	Nalidixic acid 500mg	viên bao phim (viên ép vĩ bầm, vĩ 10 viên)	Minimed Laboratories Pvt., Ltd.	India	3	13392/QLD-CL, ngày 6/9/2012	2012
108	Neo-Pyrazon (GPNK: 675/QLD- KD, ngày 19/01/2012)	Diclofenac Sodium 50mg	Viên nén bao phim (viên ép vĩ, vĩ 4 viên)	Amherst Laboratories Inc.	Philippines	3	13393/QLD-CL, ngày 6/9/2012	2012
109	Vitamin B1 (VD-14171-11)	VTM B1 250mg	viên nang (Viên ép vĩ, vĩ 10 viên, hộp 10 vĩ)	Công ty CP dược S.Pharm	Việt Nam	2	14354/QLD-CL, ngày 20/9/2012	2012
110	MANERVIN (VN-2617-07)	Magnesium lactate 470mg Pyridoxine HCl 5mg	Viên nén (vĩ 10 viên)	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.	Korea	3	14355/QLD-CL, ngày 20/09/2012	2012
111	Piroxicam Capsules USP 20mg (VN-11977-11)	Piroxicam 20mg	viên nang (vĩ 10 viên)	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.	India	2	14883/QLD-CL, ngày 01/10/2012	2012
112	Magnesi-B6 (VD-11460-10)	Magnesi lactat dihydrat 470mg, Pyridoxin HCl 5mg	Viên nén bao đường (viên nén ép vĩ, vĩ 10 viên)	Công ty CP DP Lâm Đồng (Ladophar)	Việt Nam	3	14892/QLD-CL, ngày 2/10/2012	2012
113	Omeprazole (VN-12591-11)	Omeprazol 20mg	viên nang (Hộp 3 vĩ x 10 viên)	Sintez Joint Stock Company	Russia	2	14976/QLD-CL, ngày 02/10/2012	2012

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
114	Omeprazole 20mg (VN-12017-11)	Omeprazol 20mg	viên nang (vỉ 10 viên)	Minimed Laboratories Pvt., Ltd.	India	3	15056/QLD-CL, ngày 3/10/2012	2012
115	CELECOXIB 200mg (VN-5729-10)	Celecoxib 200mg	Viên nang (viên ép vỉ bấm, vỉ 10 viên, hộp 3 vỉ)	Santa Pharma Generix Pvt., Ltd.	India	3	15823/QLD-CL, ngày 18/10/2012	2012
116	Dinac - C (VN-7464-09)	Omeprazol 20mg	viên nang (viên ép vỉ bấm, vỉ 10 viên, hộp 10vỉ)	Cooper Pharma	India	3	16127/QLD-CL, ngày 23/10/2012	2012
117	CELETOP - 200 (VN-6401-08)	Celecoxib 200mg	viên nang (viên ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 3 vỉ.)	Amtec Health Care Pvt., Ltd.	India	2	16242/QLD-CL, ngày 24/10/2012	2012
118	Piroxicam USP 20mg (VN-11608-10)	Piroxicam 20mg	Viên nang (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Minimed Laboratories Pvt., Ltd.	India	2	16397/QLD-CL, ngày 26/10/2012	2012
119	Thông Huyết Điều Kinh (V1230-H12-10)	Nhựa Lô hội, Khổ hạnh nhân, Giáng hương, Nha truật, Mạch môn, Ngũ vị tử, Câu kỷ tử, Nhân trần, Lộc nhung, Cam tùng hương	viên nang (Viên ép vỉ, vỉ 10 viên)	Cơ sở SX thuốc YHCT Đại Hồng Phúc	Việt Nam	3	17976/QLD-CL, ngày 19/11/2012	2012

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
120	ROPRADEL -200 (VN-3414-07)	Celecoxib 200mg	viên nang (hộp x 03 vỉ x 10 viên)	Fine Pharmachem	India	3	18801/QLD-CL, ngày 3/12/2012	2012
ĐỢT 2 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 05/01/2013								
1	ACICEF-200 (VN-12142-11)	Cefixime 200mg	Viên nén bao phim (Hộp x 03 vỉ x 10 viên)	ACI Pharma Pvt., Ltd.	India	2	38/QLD-CL, ngày 02/01/2013	2013
2	AZISSEL® 250 (VD-8296-09)	Azithromycin 250mg	Viên nang cứng (Hộp x 02 vỉ x 10 viên)	Công ty Roussel Việt Nam	Việt Nam	2	39/QLD-CL, ngày 02/01/2013	2013
3	Alphachymotrysin (VD-3966-07)	Chymotrypsin 21 μKatala	Viên nén (Vỉ x 10 viên)	Công ty CP Dược TƯ Mediplantex	Việt Nam	3	112/QLD-CL, ngày 04/01/2013	2013
ĐỢT 3 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 01/03/2013								
1	Metformin Denk 500 (VN-6640-08)	Metformin HCl	Viên nén bao phim (Viên ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ)	Denk Pharma GmbH. & Co. KG.	Germany	3	2395/QLD-CL, ngày 21/2/2013	2013
2	Tencefin 200 (VN-5828-08)	Cefpodoxime	Viên nén bao phim (viên ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ)	ATOZ Pharmaceuticals Pvt., Ltd.	India	3	2396/QLD-CL ngày 21/2/2013	2013
3	Thuốc bột trị đau bào tử Thái Điền (V1070-H12-10)	-	Thuốc bột (chai 50g)	Cơ sở Thanh Hải, 132 Bình Thới, phường 14, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	3	2397/QLD-CL ngày 21/02/2013	2013

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
4	MIRACEF 50 OS (VN-14461-12)	Cefpodoxime 50mg/5ml	Thuốc bột pha hỗn dịch uống (Hộp 1 lọ 30ml)	Miracle labs (P) Ltd.	India	2	2661/QLD-CL ngày 26/02/2013	2013
ĐỢT 4 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 15/03/2013								
1	Dolcel 100 (VN-3879-07)	Celecoxib 100mg	viên nang (Viên ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 3 vỉ)	Chethana Drugs & Chemicals (P) Ltd.	India	2	3157/QLD-CL ngày 06/03/2013	2013
2	Tenovir (GPNK: 10258/QLD-KD ngày 11/07/2012)	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg	Viên nén bao phim (Viên ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 3 vỉ)	Navegal Laboratories	Pakistan	3	3596/QLD-CL ngày 13/03/2013	2013
ĐỢT 5 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 15/07/2013								
1	Mecefex (VD-3411-07)	Cefixim 200mg	viên nang (Viên ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ)	Công ty CP DP Hà Tây	Việt Nam	3	7613/QLD-CL ngày 21/05/2013	2013
2	Amlor®5mg (VN-10465-10)	Amlodipine	viên nang (Hộp x 03 vỉ x 10 viên)	Pfizer PGM	France	3	7798/QLD-CL ngày 23/5/2013	2013
3	UMED-ETHAM 400 (VN-15196-12)	Ethambutol 400mg	Viên nén (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Umedica Laboratories Pvt., Ltd.	India	3	9556/QLD-CL ngày 19/6/2013	2013
4	Dahaxim (VN-8281-09)	Cefixime 100mg	viên nang (Hộp 2 vỉ 10 viên)	Dae Han New Pharm Co., Ltd.	Korea	3	9884/QLD-CL ngày 25/6/2013	2013
5	Gentamycin 0,3% (VD-12271-10)	Gentamycin	Thuốc nhỏ mắt (Hộp x 1 lọ x 5ml)	Công ty CP DP Hà Nội	Việt Nam	2	10759/QLD-CL ngày 08/07/2013	2013

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
6	Relab 20% (VN-8805-09)	Hoạt chất albumin	Dung dịch tiêm tĩnh mạch 20% (Chai 50ml)	Reliance Life Sciences Pvt., Ltd.	India	2	10787/QLD-CL ngày 09/7/2013	2013
7	Diclofokal (VN-5689-10)	Diclofenac natri 50mg	Viên nén bao tan trong ruột (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	XL Laboratories Pvt., Ltd.	India	2	10788/QLD-CL ngày 09/07/2013	2013
8	S-Valapro (VN-8549-09)	Valproate 200mg	Viên bao tan trong ruột (Hộp 1 vỉ 10 viên)	AMN Life Science Pvt., Ltd.	India	2	10947/QLD-CL ngày 10/7/2013	2013
9	Cefixime 200mg (VN-7563-09)	Cefixime 200mg	Viên nén (Hộp 1 vỉ x 10 viên)	AMN Life Science Pvt., Ltd.	India	2	10947/QLD-CL ngày 10/7/2013	2013
ĐỢT 6 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 27/09/2013								
1	Philbone-Care Tab (VN-10999-10)	Retinol palmitat	Viên nén bao phim (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Daewoo Pharm. Co., Ltd.	Korea	2	11105/QLD-CL ngày 15/7/2013	2013
2	BR-ZAXIN (VN-5254-08)	Amoxicillin Cloxacillin	Viên nang cứng (vỉ x 10 viên)	Overseas Laboratoires Pvt., Ltd.	India	2	11843/QLD-CL ngày 24/7/2013	2013
3	Vitamin 3B Softgel (VN-5063-10)	B1, B6, B12 125mg;125mg; 250mcg	Viên nang mềm (Hộp x 10 vỉ x 10 viên)	Robinson Pharma Inc.	USA	2	11844/QLD-CL ngày 24/7/2013	2013
4	Podoprox-200 (VN-9944-10)	Cefpodoxime 200mg	viên nang (vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ)	Axon Drugs Pvt., Ltd.	India	2	12266/QLD-CL ngày 31/7/2013	2013

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
5	Podoprox-100 (VN-5000-10)	Cefpodoxime 100mg	viên nang (vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ)	Axon Drugs Pvt., Ltd.	India	2	12266/QLD-CL ngày 31/7/2013	2013
6	Podoprox-200 (VN-9944-10)	Cefpodoxime 200mg	viên nang (Vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ)	Axon Drugs Pvt., Ltd.	India	2	13318/QLD-CL ngày 16/8/2013	2013
7	Paracetamol Infusion 10mg/ml (VN-14902-12)	Paracetamol 10mg/mL	Thuốc tiêm (thuốc tiêm đóng chai nhựa kín)	Marck Biosciences Ltd.	India	3	13319/QLD-CL ngày 16/8/2013	2013
8	LODIPINE-C (VN-6911-08)	Amlodipine Besylate 5mg	Viên nén bao phim (Vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ)	Cooper Pharma	India	3	13320/QLD-CL ngày 16/8/2013	2013
9	Cetirizine Hydrochloride 10mg (VN-7880-09)	Cetirizine HCl 10mg	Viên nén bao phim (Vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ)	Windlas Biotech Ltd.	India	3	13321/QLD-CL ngày 16/8/2013	2013
10	Daehwa Albendazole (VN-8648-09)	Albendazole 400mg	Viên nén bao phim (Hộp 1 vỉ 1 viên)	Daehwa Pharmaceuticals	Korea	3	13322/QLD-CL ngày 16/8/2013	2013
11	MEDEX CEFPODOXIME 100mg (VN-12947-11)	Cefpodoxime Proxetil 100mg	viên bao phim (hộp x 01 vỉ x 10 viên)	MedEx Laboratories	India	2	13705/QLD-CL ngày 23/8/2013	2013
12	ANGIOTEN (VN-13350-11)	Losartan potassium 50mg	Viên nén bao phim (Hộp 3 vỉ x 10 viên)	PT Kalbe Farma Tbk.	Indonesia	2	13706/QLD-CL ngày 23/8/2013	2013

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
13	CEEX-100 (VN-2827-07)	Celecoxib 100mg	Viên nang cứng (Hộp x 03 vỉ x 10 viên)	Syncom Formulations (India) Ltd.	India	2	13707/QLD-CL ngày 23/8/2013	2013
14	Mát Gan Giải Độc (VND-3207-05)	-	thuốc nước (Chai nhựa 280mL)	Cơ sở Phước An, 86/52 Ông Ích Khiêm, P.14, Q.11, Tp. HCM	Việt Nam	3	13734/QLD-CL ngày 23/8/2013	2013
15	Rovamycine (VN-2484-06)	Spiramycin 3 M.I.U	Viên nén bao phim (Vỉ 5 viên, hộp 2 vỉ)	Famar Lyon	France	3	13735/QLD-CL ngày 23/8/2013	2013
16	Amlofresh (VN-10654-10)	Amlodipin Atorvastatin	Viên nén bao phim (Vỉ 10 viên, hộp 3 vỉ)	Cure Medicines (India) Pvt., Ltd.	India	2	14783/QLD-CL ngày 10/9/2013	2013
17	Melamno 7,5 (VN-9582-10)	Meloxicam 7,5mg	Viên nén (Vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ)	AMN Life Science Pvt., Ltd.	India	3	14784/QLD-CL ngày 10/9/2013	2013
18	Femicap (VN-5400-10)	Cefadroxil 500mg	viên nang (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Hanall Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea	2	14785/QLD-CL ngày 10/9/2013	2013
ĐỢT 7 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 07/01/2014								
1	COMEPAR (VN-5310-08)	Lansoprazole	viên nang (Hộp 03 vỉ x 10 viên)	Chemfar Organics (P) Ltd.	India	2	16442/QLD-CL ngày 02/10/2013	2013
2	PANTILON 40 (VN-7968-09)	Pantoprazole 40mg	Viên bao phim tan trong ruột (Vỉ 10 viên, hộp 3 vỉ)	Kausikh Therapeutics (P) Ltd.	India	2	16443/QLD-CL ngày 02/10/2013	2013

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
3	Tọa Thống Thiên (V134-H12-10)	-	Hoàn cứng (chai 50g)	Cơ sở Thiên Nam	Việt Nam	2	17154/QLD-CL ngày 14/10/2013	2013
4	Zamotix 500 (VN-10893-10)	Cefuroxime 500mg	Viên nén bao phim (Vỉ 6 viên, hộp 2 vỉ)	Globe Pharmaceuticals Ltd.	Bangladesh	3	17155/QLD-CL ngày 14/10/2013	2013
5	Mekozetel 400 (VD-16342-12)	Albendazole 400mg	Viên nén bao phim (Vỉ 1 viên, hộp 1 vỉ)	Công ty CP Hóa - DP Mekophar	Việt Nam	2	17156/QLD-CL ngày 14/10/2013	2013
6	Thuốc ho Quảng An Cao Chỉ khái Mát phổi (VND-4699-05)	-	thuốc nước (Chai 120ml)	Cơ sở SX thuốc YHCT Phú Đức	Việt Nam	3	17536/QLD-CL ngày 21/10/13	2013
7	Hồng Huyết tố (V1558-H12-10)	Đương quy, Sinh địa, Xuyên khung, Ngải cứu, Hương phụ	thuốc nước (Chai 250ml)	Cơ sở Y Dược học cổ truyền dân tộc Nguyễn Minh Trí	Việt Nam	3	17537/QLD-CL ngày 21/10/13	2013
8	KEBASYN 500:500 (VN-6983-08)	Cefoperazone & Sulbactam	Thuốc bột pha tiêm (Hộp 50 lọ)	Penta Labs Pvt., Ltd.	India	3	17708/QLD-CL ngày 23/10/13	2013
9	VERBEN Tab (VN-7972-09)	Albendazole 400mg	Viên nén nhai (Hộp 1 vỉ, vỉ 1 viên)	Systa Labs	India	3	17709/QLD-CL ngày 23/10/13	2013
10	Nesmox-250 (VN-12331-11)	Amoxicillin 250mg	Viên nang (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Nestor Pharmaceuticals Ltd.	India	2	17910/QLD-CL ngày 25/10/13 được thay bằng 18771/QLD-CL ngày 11/11/13	2013

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
11	Ospen® 1000 (VN-2022-06)	Phenoxymethylpeni cillin as potassium salt BP 1.000.000 IU	Viên nén bao phim (Vỉ x 10 viên)	Sandoz	Australia	3	18936/QLD-CL ngày 12/11/2013	2013
12	TEARIDONE (VN-1803-06)	Povidone	Thuốc nhỏ mắt (Lọ 10ml)	Samchundang Pharm. Co., Ltd.	Korea	3	18939/QLD-CL ngày 12/11/2013	2013
13	Penfixil 100 (VN-11393-10)	Cefpodoxime 100mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống (Hộp x 10 gói)	Penta Labs Pvt., Ltd.	India	2	19687/QLD-CL ngày 26/11/13	2013
14	Roxl-150 (VN-13935-11)	Roxithromycin 150mg	Viên nén bao phim (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	XL Laboratories Pvt., Ltd.	India	2	19996/QLD-CL ngày 28/11/13	2013
15	Diclofokal (VN-5689-10)	Diclofenac 50mg	Viên nén bao tan trong ruột (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	XL Laboratories Pvt., Ltd.	India	2	20320/QLD-CL ngày 02/12/2013	2013
16	Fenactada (VD-15089-11)	Diclofenac natri 75mg	Viên nén bao phim (Hộp x 02 vỉ x 10 viên)	Công ty CP dược Lâm Đồng	Việt Nam	2	20805/QLD-CL ngày 10/12/2013	2013
17	Egopoxime 200 (VD-9625-09)	Cefpodoxime 200mg	viên nang (Hộp x 02 vỉ x 10 viên)	Công ty CP DP TƯ 25 (UPHACE)	Việt Nam	3	20902/QLD-CL ngày 10/12/2013	2013

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
18	Roxley 150 (VN-7262-08)	Roxithromycin 150mg	Viên nén bao phim (vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ)	Medley Pharmaceuticals Ltd.	India	2	21002/QLD-CL ngày 12/12/2013	2013
19	AegenCEFPO 200 (VN-12717-11)	Cefpodoxime 200mg	viên nang (vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ)	Aegen Biotech Pharma Pvt., Ltd.	India	2	21004/QLD-CL ngày 12/12/2013	2013
20	Plasil® with Enzyme (GPNK: 2203/QLD- KD)	Bromelain Pancreatin Simethicon Metoclopramid HCl, Natri dehydrocholate	Viên nén bao tan trong ruột (Hộp x 03 vỉ x 10 viên)	Pacific Pharmaceuticals Ltd.	Pakistan	2	21580/QLD-CL ngày 24/12/2013	2013
21	Raul 200 (VN-10830-10)	Cefpodoxime 200mg	Viên nén (Hộp x 03 vỉ x 10 viên)	MedEx Laboratories	India	2	21758/QLD-CL ngày 25/12/2013	2013
22	Cefichem 100mg (VN-9044-09)	Cefixime 100mg	Viên nén bao phim (Vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ)	Chemfar Organics (P) Ltd.	India	3	21812/QLD-CL ngày 26/12/2013	2013
23	Orinase Tablet 3mg (VN-12395-11)	Glimepiride 3mg	Viên nén (Vỉ 10 viên, hộp 2 vỉ)	CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd.	Pakistan	2	21821/QLD-CL ngày 26/12/2013	2013
24	BESTA - AMC 1,2g (VN-14102-11)	Amoxicilline 1,0g Clavulanic acid 0,2g	Thuốc bột pha tiêm (Hộp 10 lọ)	CSPC Zhongnuo Pharmaceutical Co., Ltd.	China	2	21822/QLD-CL ngày 26/12/2013	2013

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
ĐỢT 8 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 24/02/2014								
1	Levocil Tablets 250mg (VN-9637-10)	Levofloxacin 250mg	Viên nén bao phim (Hộp 1 vỉ nhôm x 10 viên)	CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd.	Pakistan	2	148/QLD-CL ngày 06/01/2014	2014
2	Nudinir - 300 (VN-5196-08)	Cefdinir 300mg	viên nang (Vỉ 4 viên, hộp 5 vỉ)	Sance Laboratories Pvt., Ltd.	India	2	149/QLD-CL ngày 06/01/2014	2014
3	Hóa đàm kim đơn (V1224-H12-10)	Lá muồng, Hậu phác nam, Kim ngân hoa, Hắc sủu, Xa tiền tử	hoàn cứng (Hộp 10 gói x 2g)	Cơ sở Phước Linh	Việt Nam	3	375/QLD-CL ngày 08/01/2014	2014
4	Tỷ Tiên Phương (V1137-H12-10)	Sài hồ, Bạch chỉ, Cát cánh, Khương hoạt, Thạch cao, Cát căn, Cam thảo,...	hoàn cứng (Lọ 28g)	DNTN SX thuốc YHCT Phước Sanh	Việt Nam	3	376/QLD-CL ngày 08/01/2014	2014
5	Thuốc ho A tử hoàn (V1306-H12-10)	Tang bạch bì, cát cánh, bạc hà, tô diệp, cam thảo, tiền hồ, tỳ bà diệp, trần bì, gừng	Hoàn mềm (Hộp 20 gói, gói 2 hoàn)	Cơ sở Tân Phước - Bào chế Đông Nam Dược	Việt Nam	3	377/QLD-CL ngày 08/01/2014	2014
6	APO-PIROXICAM (VN-2576-07)	Piroxicam 20mg	Viên nang cứng (Lọ x 100 viên)	Apotex Inc.	Canada	2	1404/QLD-CL ngày 23/01/2014	2014
7	CHEMPOD 100mg (VN-6996-08)	Cefpodoxime 100mg	Viên nén (Hộp x 02 vỉ x 10 viên)	Chemfar Organics (P) Ltd.	India	2	2000/QLD-CL ngày 13/02/2014	2014

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
8	Inbionet Incef 500mg (VN-11694-11)	Cefradine 500mg	Viên nang cứng (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	BTO Pharm Co., Ltd.	Korea	3	2135/QLD-CL ngày 18/02/2014	2014
9	HYPOTEX (VN-6779-08)	Capopril 25mg	Viên nén (Hộp x 10 vỉ x 10 viên)	Union Korea Pharm Co., Ltd.	Korea	2	2136/QLD-CL ngày 18/02/2014	2014
10	Artesunat 60mg (VNA-2670-04)	Artesunat 60mg	Thuốc bột pha tiêm (Hộp to x 10 hộp nhỏ x 01 lọ bột pha tiêm và 02 ống dung môi)	Công ty CP DP TƯ 1 (PHARBACO)	Việt Nam	2	2139/QLD-CL ngày 18/02/2014	2014
ĐỢT 9 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 02/06/2014								
1	KEVOMED 200 (VN-12153-11)	Cefpodoxime 200mg	Viên nén bao phim (Hộp x 01 vỉ x 10 viên)	Kausikh Therapeutics (P) Ltd.	India	2	7286/QLD-CL ngày 07/5/2014	2014
2	Getino-B (VN-16762-13)	Tenofovir Disoproxil Fumarate 300mg	Viên nén bao phim (Chai nhựa kín chứa 30 viên)	Getz Pharma Pvt., Ltd.	Pakistan	3	8321/QLD-CL ngày 26/5/2014	2014
ĐỢT 10 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 28/07/2014								
1	INTAS-LEVO (VN-8763-09)	Levofloxacin 500mg	Viên nén bao phim (Hộp 6 vỉ, vỉ 5 viên)	Intas Pharmaceuticals Ltd.	India	2	10193/QLD-CL ngày 19/6/2014	2014
2	CENOXIB-200 (VN-14634-12)	Celecoxib 200mg	viên nang (Hộp 4 vỉ, vỉ 10 viên)	Celogen Pharma Pvt., Ltd.	India	2	10238/QLD-CL ngày 19/06/2014	2014

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
3	HISTOFEN 180 (VN-8015-09)	Fexofenadin 180mg	Viên nén bao phim (Hộp 3 vỉ, vỉ 10 viên)	Penta Labs Pvt., Ltd.	India	3	10304/QLD-CL ngày 19/06/2014	2014
4	Fexet 120mg (VN-11037-10)	Fexofenadine HCl 120mg	Viên nén bao phim (Hộp 2 vỉ x 5 viên)	Getz Pharma Pvt., Ltd.	Pakistan	3	10310/QLD-CL ngày 19/6/2014	2014
5	Sagapanto 40 (VN-13065-11)	Pantoprazole 40mg	Viên nén bao phim (Hộp 3 vỉ x 10 viên)	Saga Laboratories	India	2	10327/QLD-CL ngày 20/6/2014	2014
6	Bình vị nam (V1459-H12-10)	Phèn chua, Cam thảo bắc, Lá cà độc dược, Mai mực chế, Cao bình vôi	Viên nén (Hộp x 01 lọ x 100 viên)	Cơ sở SX thuốc YHCT-TNT, Đình thôn, Mỹ Đình, Từ Liêm, HN	Việt Nam	2	10328/QLD-CL ngày 20/6/2014	2014
7	NewGinkonek (VN-4178-07)	Ginkgo biloba extract 40mg	viên nang (Hộp x 10 vỉ x 10 viên)	Union Korea Pharm Co., Ltd.	Korea	3	10330/QLD-CL ngày 20/6/2014	2014
8	Sagadinir 300 (VN-15397-12)	Cefdinir 300mg	viên nang (Hộp 1 vỉ x 10 viên)	Saga Laboratories	India	3	10331/QLD-CL ngày 20/6/2014	2014
9	Berberin-BM 25mg (VNB-3401-05)	Berberin 25mg	viên nang (Hộp x 10 vỉ x 10 viên)	Công ty CP DP Hà Nam	Việt Nam	3	10332/QLD-CL ngày 20/6/2014	2014
10	Gingob Soft Capsules (VN-8253-09)	Ginkgo biloba extract 40mg	viên nang (Hộp x 10 vỉ x 10 viên)	Alpha Pharm. Co., Ltd.	Korea	2	11790/QLD-CL ngày 10/7/2014	2014
11	Nefian (VN-15739-12)	Lansoprazol 30mg	viên nang (Hộp x 03 vỉ x 10 viên)	Brawn Laboratories Ltd.	India	3	12111/QLD-CL ngày 15/7/14	2014

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
12	Thăng trĩ Nam Dược (V832-H12-10)	-	viên nang (Hộp x 05 vỉ x 10 viên nang)	Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam	2	12410/QLD-CL ngày 22/7/2014	2014
ĐỢT 11 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 08/09/2014								
1	Oyster Shell Calcium (VN-15096-12)	Calci 500mg, Vitamin D2 250IU	Viên nén (Hộp 1 lọ x 60 viên)	ADH Health Products Inc.	USA	2	13043/QLD-CL ngày 31/7/2014	2014
2	Markime 50 DS (VN-5503-10)	Cefpodoxime proxetil	Thuốc bột pha hỗn dịch uống (Hộp x 1 lọ x 30ml)	Marksans Pharma Ltd.	India	2	13044/QLD-CL ngày 31/7/2014	2014
3	Jordapol (VD-9801-09)	Paracetamol 500mg	Viên nén (Viên ép vỉ, vỉ 10 viên)	Công ty TNHH DP Deltapharm	Việt Nam	2	13693/QLD-CL ngày 13/8/2014	2014
4	Cefdolexe (VN-10433-10)	Cefpodoxim proxetil 100mg	Viên nén bao phim (Hộp 2 vỉ x 10 viên)	Hanbul Pharm. Co., Ltd.	Korea	2	13694/QLD-CL ngày 13/8/2014	2014
5	Atodet-20 (VN-14097-11)	Atorvastatin 20mg	Viên nén bao phim (Viên ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ)	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	India	3	14776/QLD-CL ngày 29/8/2014	2014
6	CHEMRAB-20 (VN-6998-08)	Rabeprazole	Viên nén bao phim (Viên ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 3 vỉ)	Chemfar Organics (P) Ltd.	India	2	15116/QLD-CL ngày 08/9/2014	2014
ĐỢT 12 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 09/10/2014								

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
1	Skypodox - 100 (VN-16804-13)	Cefpodoxime proxetil Dispersible Tablets - 100mg USP	Viên nén phân tán (hộp 01 vỉ x 10 viên)	Health Care Formulations Pvt., Ltd.	India	2	15927/QLD-CL ngày 18/9/2014	2014
2	Euroseafox (VN-12288-11)	Cefpodoxime INN 100mg)	viên nang (Hộp 03 vỉ x 04 viên)	Navana Pharmaceuticals Ltd.	Bangladesh	2	16623/QLD-CL ngày 26/09/2014	2014
3	Prednisolon 5mg (VD-10596-10)	Prednisolon 5mg	Viên nén (Viên ép vỉ, vỉ 20 viên, hộp 20 vỉ)	Công ty CP dược - VTYT Thái Bình	Việt Nam	2	17041/QLD-CL ngày 02/10/2014	2014
4	Cefaclor (VD-10807-10)	Cefaclor 250mg	viên nang (Hộp 02 vỉ x 10 viên)	Công ty TNHH MTV DP & Sinh học y tế	Việt Nam	3	17103/QLD-CL ngày 03/10/2014	2014
5	Nestoflox (VN-13026-11)	Ofloxacin 200mg	Viên nén bao phim (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Nestor Pharmaceuticals Ltd.	India	3	17191/QLD-CL ngày 07/10/2014	2014
6	Omepraglobe (VN-5270-10)	Omeprazole 20mg	viên nang (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Globela Pharma Pvt., Ltd.	India	2	17273/QLD-CL ngày 09/10/2014	2014
ĐỢT 13 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 21/01/2015								
1	Loperamide Capsules BP 2mg (VN-13499-11)	Loperamide 2mg	Viên nang cứng (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Eurolife Healthcare Pvt., Ltd.	India	3	17949/QLD-CL, ngày 21/10/2014	2014
2	ULCEZ (VN-12333-11)	Omeprazole 20mg	Viên nang chứa vi nang (Vỉ 10 viên)	Nestor Pharmaceuticals Ltd.	India	3	18635/QLD-CL, ngày 31/10/2014	2014

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
3	CETRIMINI (VN-4439-07)	Certirizine HCl 10mg	Viên nén bao phim (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Minimed Laboratories Pvt., Ltd.	India	3	19837/QLD-CL ngày 14/11/2014	2014
4	EMLOCIN 5 (VN-14836-12)	Amlodipin 5mg	Viên nang cứng	Aegen Biotech Pharma Pvt., Ltd.	India	3	22162/QLD-CL	2014
5	Ypharco (VD-15020-11)	Paracetamol & Cafein	Viên nén (Vỉ 10 viên)	Công ty CP DP Yên Bái	Việt Nam	3	22436/QLD-CL	2014
6	Erythromycin (VD-15027-11)	Erythromycin 500mg	Viên nén bao phim	Công ty CP Hóa - DP Mekophar	Việt Nam	2	465/QLD-CL ngày 14/01/2015	2015
ĐỢT 14 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 15/06/2015								
1	Pantopep-Dol (VN-12241-11)	Pantoprazol 40mg	Viên nén bao tan trong ruột (Hộp 03 vỉ x 10 viên)	Zim Laboratories Ltd.	India	2	1572/QLD-CL ngày 29/01/2015	2015
2	Pantocid (VN-17790-14)	Pantoprazol 40mg	Viên nén bao tan trong ruột (Hộp 03 vỉ x 10 viên)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	India	2	1571/QLD-CL ngày 29/01/2015	2015
3	Panlife (VN-12863-11)	Pantoprazol 40mg	Viên nén bao phim (Hộp 03 vỉ x 10 viên)	Eurolife Healthcare Pvt., Ltd.	India	2	1570/QLD-CL ngày 29/01/2015	2015
4	Sulfareptol 480 (VD-8391-09)	Sulfamethoxazol 400mg, Trimethoprim 80mg	Viên nang (Chai 100 viên)	Công ty CP dược Đồng Nai	Việt Nam	3	5772/QLD-CL ngày 31/3/2015	2015

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
5	Kyungsol (VN-6801-08)	Betamethason/Dexchlorphenylramin maleat	Viên nén (Chai 500 viên)	Crown pharm Co., Ltd.	Korea	2	5774/QLD-CL ngày 31/3/2015	2015
6	Omeprazole Capsules 20mg (VN-11336-10)	Omeprazol 20mg	Viên nang (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Syncom Formulations (India) Ltd.	India	3	5775/QLD-CL ngày 31/03/2015	2015
7	Prazovite (VN-8095-09)	Pantoprazole 40mg	Viên bao tan trong ruột (Vỉ 10 viên)	U Square Lifescience Pvt., Ltd.	India	2	8744/QLD-CL ngày 15/05/2015	2015
8	Mirazole (VN-12871-11)	Lansoprazol 30mg	Viên nang tan trong ruột (Hộp 03 vỉ x 10 viên)	Miracle labs (P) Ltd.	India	3	8992/QLD-CL ngày 21/5/2015	2015
9	Nicebiotamin (VN-14596-12)	Riboflavin tetrabutyrat, Pyridoxine HCl, Nicotinamide, Biotin, L-Cysteine	Viên nén (Hộp 6 vỉ x 10 viên)	Chunggei Pharm. Co., Ltd.	Korea	3	9504/QLD-CL ngày 28/5/2015	2015
10	Gefdur (VN-12988-11)	Cefpodoxime proxetil 100mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống (Hộp 10 gói)	West-Coast Pharmaceutical Works Ltd.	India	3	9505/QLD-CL ngày 28/5/2015	2015
ĐỢT 15 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 20/11/2015								
1	Eurorapi-20 (VN-14587-12)	Rabeprazole sodium 20mg	Viên nén bao phim (Hộp 03 vỉ x 10 viên)	Globe Pharmaceuticals Ltd.	Bangladesh	2	10643/QLD-CL ngày 16/6/2015	2015

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
2	Pantopep-Dol (VN-12241-11)	Pantoprazole 40mg	Viên nén bao tan trong ruột (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Zim Laboratories Ltd.	India	2	10644/QLD-CL ngày 16/6/2015	2015
3	Decozaxtyl (VD-18576-13)	Mephenesin 250mg	Viên nén bao đường (Hộp 2 vỉ x 25 viên)	Công ty TNHH DP USA-NIC	Việt Nam	3	10734/QLD-CL ngày 17/6/2015	2015
4	Cetazin (VD-19542-13)	Cetirizine.2HCl 10mg	Viên nén bao phim (Vỉ 10 viên)	Công ty CP dược Vacopharm	Việt Nam	3	10735/QLD-CL ngày 17/6/2015	2015
5	Doxycycline capsules BP 100mg (VD-10457-10)	Doxycycline 100mg	Viên nang cứng (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Minimed Laboratories Pvt., Ltd.	India	2	10737/QLD-CL ngày 17/6/2015	2015
6	EMLOCIN 5 (VN-14836-12)	Amlodipine 5mg	viên nang cứng (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Aegen Biotech Pharma Pvt., Ltd.	India	3	12239/QLD-CL ngày 08/7/2015	2015
7	Cefpodoxime Proxetil Tablets USP 100mg (VN-14818-12)	Cefpodoxime Proxetil 100mg	Viên nén phân tán (Hộp 1 vỉ x 10 viên)	Syncom Formulations (India) Ltd.	India	3	11617/QLD-CL ngày 30/6/2015	2015
8	Fecimfort 200 (VN-8038-09)	Cefixime tablets USP 200mg	viên nén (Hộp 2 vỉ x 10 viên)	Elegant Drugs Pvt., Ltd.	India	3	12238/QLD-CL ngày 08/7/2015	2015
9	Midoctin (VD-8138-09)	Sulpirid 50mg	Viên nang (hộp 2 vỉ x 15 viên)	Công ty CP DP TƯ 25 (UPHACE)	Việt Nam	2	13532/QLD-CL ngày 23/07/2015	2015

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
10	Cefpodoxime Proxetil Tablets USP 200mg (VN-14819-12)	Cefpodoxime 200mg	Viên nén phân tán (Hộp 1 vỉ x 10 viên)	Syncom Formulations (India) Ltd.	India	3	14575/QLD-CL ngày 06/08/2015	2015
11	Acterox (VN-11822-11)	Biphenyl Dimethyl Dicarboxylate 25mg	Viên nén bao phim (Hộp 5 vỉ x 10 viên)	Korea Arlico Pharm. Co., Ltd.	Korea	2	13531/QLD-CL ngày 23/07/2015	2015
12	Doxferxime 200 DT (VN-10902-10)	Cefpodoxime Proxetil Dispersible Tablets 200 mg	Viên nén phân tán (Hộp 2 vỉ x 10 viên)	Elegant Drugs Pvt., Ltd.	India	2	14805/QLD-CL ngày 11/08/2015	2015
13	Doxycyclin (VD-12694-10)	Doxycyclin 100mg	Viên nang cứng (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Việt Nam	3	15233/QLD-CL ngày 17/8/2015	2015
14	Dexacol 5ml (VD-16492-12)	Dexamethason natri phosphat 5mg, Cloramphenicol 20mg	Thuốc nhỏ mắt (Hộp 1 lọ 5 ml)	Công ty CP DP 3/2	Việt Nam	2	14571/QLD-CL ngày 06/8/2015	2015
15	Proexen Tablet 200mg (VN-10774-10)	Ofloxacin (200mg)	Viên nén bao phim (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Dae Han New Pharm Co., Ltd.	Korea	3	17687/QLD-CL ngày 11/09/2015	2015
16	Vitamin B1 + B6 + B12 (VD-12488-10)	Vitamin B1 12,5mg, B6 12,5mg, B12 125mcg	Viên nén bao phim (Hộp 20 vỉ x 10 viên)	Công ty CP dược - VTYT Thanh Hoá	Việt Nam	3	19724/QLD-CL ngày 21/10/2015	2015

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
17	Ramilo-5 (VN-10959-10)	Amlodipine Besilate 5 mg	Viên nang cứng (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Altomega Drugs Pvt. Ltd.	India	3	20621/QLD-CL ngày 06/11/2015 thu hồi; 22499/QLD-CL ngày 03/12/2015 kiểm nghiệm lại	2015
18	Auclanityl 281,25mg (VD-12366-10)	Amoxicilin trihydrat 287mg; kali clavulanat 37,2mg	Bột pha hỗn dịch uống (Hộp 12 gói x 3,8g thuốc bột)	Công ty CP DP Tipharco	Việt Nam	2	21124/QLD-CL ngày 12/11/2015	2015
ĐỢT 16 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 28/07/2016								
1	Vitacap (VN-15979-12)	Vitamin A, B1, B2, B6, B12, C, D3, E, Nicotinamide, D- Panthenol, Folic Acid, Sắt Fumarate, Calci Phosphate, Đồng Sulphate, Manganese Sulphate, Kẽm Sulphate, Kali Iodide, Magnesium Oxide	Viên nang mềm (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Mega Lifesciences Ltd.	Thailand	2	20620/QLD-CL ngày 06/11/2015	2015
2	Zidcef-200 (VN-8628-09)	Cefpodoxime proxetil Tablets USP 200mg	Viên nén bao phim (Hộp 2 vỉ x 10 viên)	Replica Remedies	India	3	21874/QLD-CL ngày 25/11/2015	2015
3	Vitamin PP 500mg (GC-0203-12)	Vitamin PP 500mg	viên nén bao phim (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Công ty TNHH SX-TM Dược phẩm Thành Nam	Việt Nam	3	21872/QLD-CL ngày 25/11/2015	2015

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
4	Ocutop (VN-10088-10)	Tobramycin USP	Dung dịch nhỏ mắt (Hộp 01 lọ x 5ml)	Ahlcon Parenterals (India) Ltd.	India	3	21873/QLD-CL ngày 25/11/2015	2015
5	Neo-Pyrazon (VD-11374-10)	Diclofenac Sodium 50mg	Viên bao phim tan trong ruột (Vỉ 4 viên)	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	3	22500/QLD-CL ngày 03/12/2015	2015
6	Cefixime (VD-11622-10)	Cefixime 50mg	Bột pha hỗn dịch uống (Gói)	Công ty CP DP Minh Dân	Việt Nam	3	22759/QLD-CL ngày 08/12/2015	2015
7	Youngil Captopril (VN-8978-09)	Captopril 25mg	Viên nén (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Young-IL Pharm. Co., Ltd.	Korea	3	22501/QLD-CL ngày 03/12/2015	2015
8	Epalrest 50mg (QLĐB-415-13)	Epalrestat 50mg	Viên nén bao phim (Hộp 2 vỉ x 14 viên)	Công ty CP DP Sao Kim	Việt Nam	3	322/QLD-CL ngày 08/01/2016	2016
9	Doxycyclin 100mg (VD-12694-10)	Doxycyclin 100mg	Viên nang (Vỉ 10 viên)	Công ty CP Armephaco - Xí nghiệp dược phẩm 120	Việt Nam	3	18/QLD-CL ngày 04/01/2016	2016
10	Erythromycin 250mg (VD-19252-13)	Erythromycin (dưới dạng Erythromycin stearat) 250mg	Viên bao phim (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Công ty CP DP Phong Phú - Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Việt Nam	3	1945/QLD-CL ngày 05/02/2016	2016
11	Doxicef-100 (VN-4944-10)	Cefpodoxime Proxetil 100 mg	Viên nén bao phim (Hộp 3 vỉ x 10 viên)	Pragya Life sciences Pvt. Ltd.	India	3	4405/QLD-CL ngày 23/03/2016	2016
12	Cefpomed-200 (VN-8050-09)	Cefpodoxim 200 mg	Viên nang cứng (Hộp to x 2 hộp nhỏ x 1 vỉ 10 viên)	Medico Remedies Pvt., Ltd.	India	2	2922/QLD-CL ngày 01/03/2016	2016

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
13	Cadicefpo 200 (VD-13350-10)	Cefpodoxime 200mg	Viên nang cứng (Hộp 2 vỉ x 5 viên nang cứng)	Công ty TNHH US Pharma USA	Việt Nam	3	3454/QLD-CL ngày 11/03/2016	2016
14	Celenobe-200 (VN-17340-13)	Celecoxib 200mg	Viên nang (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	India	3	7379/QLD-CL ngày 11/05/2016	2016
15	Lidocain hydrochlorid 40mg/2ml (VD-11228-10)	Lidocain hydrochlorid 40 mg/2ml	Thuốc tiêm (Hộp 20 ống 2ml, hộp 10 ống 2ml dung dịch thuốc tiêm)	Công ty CP VTYT Hải Dương	Việt Nam	2	7215/QLD-CL ngày 09/05/2016	2016
16	Nhiệt miệng TANA (V1585-H12-10)	Hoàng liên, Thạch cao, Tế tân, Cam thảo, Tri mẫu, Huyền sâm, Sinh địa, Mẫu đơn bì, Qua lâu nhân, Liên kiều, Hoàng bá, Hoàng cầm, Bạch thược	Viên nang (Hộp 5 vỉ x 10 viên nang)	Công ty CP DP Tân Á	Việt Nam	2	8446/QLD-CL ngày 25/05/2016	2016
17	Efixime 100DT (VN-4941-10)	Cefixime 100mg	Viên nén phân tán (Hộp 3 vỉ x 10 viên)	All Serve Healthcare Pvt., Ltd.	India	2	9167/QLD-CL ngày 02/06/2016	2016
18	EZEEGAS (VN-13457-11)	Simethicone 120mg	Viên nhai dạng gel mềm (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Gelnova Laboratories (India) Pvt. Ltd.	India	3	8867/QLD-CL ngày 30/5/2016	2016

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
19	Rom-150 tablets (VN-17178-13)	Roxithromycin 150mg	Viên nén bao phim (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Zee Laboratories	India	2	11892/QLD-CL ngày 27/06/2016	2016
20	Philtadol (VD-22044-14)	Cefpodoxim 100mg	Bột pha hỗn dịch uống (Hộp 10 gói x 3 gam)	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	3	11891/QLD-CL ngày 27/06/2016	2016
21	Ampodox-200 (VN-8557-09)	Cefpodoxime Proxetil Tablets USP 200mg	Viên nén bao phim (Hộp 1 vỉ 10 viên)	AMN Life Science Pvt., Ltd.	India	3	13031/QLD-CL ngày 08/07/2016	2016
22	Ceferaxim 125 (VN-11733-11)	Cefuroxime 125mg	Bột pha hỗn dịch uống (Hộp 10 gói)	Vintanova Pharma Pvt Ltd	India	3	12599/QLD-CL ngày 04/07/2016	2016
23	Cocilone (VN-15241-12)	Colchicine 1mg	Viên nén (Hộp lớn chứa 10 hộp nhỏ x 1 vỉ bấm x 10 viên nén)	Brawn Laboratories Ltd.	India	3	13155/QLD-CL ngày 11/07/2016	2016
ĐỢT 17 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 21/10/2016								
1	Lizidor (VD-8071-09)	Atorvastatin calci 10 mg	Viên nén bao phim (hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim)	Công ty CP DP Trường Thọ	Việt Nam	3	17441/QLD-CL ngày 07/09/2016	2016

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
2	Koact 1000 (VN-17256-13)	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrate) 875mg; Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate) 125mg ()	Viên nén bao phim (Hộp 3 vỉ x 5viên)	Aurobindo Pharma Ltd.	India	2	14450/QLD-CL ngày 01/08/2016	2016
3	Aronamin gold (VN-5616-10)	Fursultiamin, Riboflavin tetrabutyrat, Pyridoxal 5- phosphat, Hydroxocobalamin acetat, Acid ascorbic, dl-alpha Tocopherol acetat	Viên bao đường (Hộp 12 vỉ x 10 viên)	Il Dong Pharmaceuticals Co., Ltd.	Korea	2	14408/QLD-CL ngày 29/07/2016	2016
4	Praycide 100 (VN-17318-13)	Cefpodoxime 100mg	Viên nén bao phim (Hộp 01 vỉ x 10 viên)	M/s Prayash Healthcare Pvt Ltd.,	India	2	18736/QLD-CL ngày 20/09/2016	2016
5	Promethazin (VD-19300-13)	Promethazin hydroclorid 15mg	viên bao đường (Hộp 5 vỉ x 20 viên)	Công ty CP DP 2/9 (Nadyphar)	Việt Nam	3	18961/QLD-CL ngày 28/09/2016	2016
6	Sirozinc (VN-15854-12)	Zinc gluconate syrup 100ml	Siro uống (Hộp 1 chai 100ml)	Nexus Pharma (Pvt.) Ltd	Pakistan	3	18962/QLD-CL ngày 28/09/2016	2016
7	Enafran 10 (VD-10969-10)	Enalapril maleat 10mg	Viên nén (hộp 1 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nén)	Công ty CP DP 3/2	Việt Nam	2	20136/QLD-CL ngày 14/10/2016	2016

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
ĐỢT 18 - Ngày công bố trên Website Cục QLD: 03/04/2017								
1	Tiêu độc PV (V1613-H12-10)	Cao tiêu độc (Kim Ngân Hoa, Thổ Phục Linh, Mã đề) 240 mg	Viên bao đường (Lọ 60 viên)	Công ty CP Dược thảo Phúc Vinh	Việt Nam	2	20134/QLD-CL ngày 14/10/2016	2016
2	Danapha Telfadin 60mg (VD-9973-10)	Fexofenadine HCl 60mg	Viên nén bao phim (hộp 01 vỉ x 10 viên)	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	3	22288/QLD-CL ngày 14/11/2016	2016
3	Ciprofloxacin tablets USP 500mg (VN-15526-12)	Ciprofloxacin 500mg	Viên nén (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	India	3	20135/QLD-CL ngày 14/10/2016	2016
4	Cefpodoxime Proxetil Tablets USP 100mg (VN-14818-12)	Cefpodoxime Proxetil 100mg	Viên nén (Hộp 1 vỉ x 10 viên)	Syncom Formulations (India) Ltd.	India	2	20900/QLD-CL ngày 24/10/2016	2016
5	Tư âm bổ thận Đại Hồng Phúc (V611-H12-10)	-	viên nang (Hộp 3 vỉ x 10 viên)	Cơ sở sản xuất kinh doanh thuốc y học cổ truyền Đại Hồng Phúc	Việt Nam	2	24801/QLD-CL ngày 20/12/2016	2016
6	DaeshinProtase (VN-13103-11)	Bromelain 40mg; Crystallized Trypsin 1mg	Viên bao phim (Hộp 10 vỉ x 10 viên)	Dae Hwa Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea	2	25123/QLD-CL ngày 26/12/2016	2016
7	Men vi sinh sống BIOLAC (QLSP-854-15)	0	cốm (Hộp 10 gói x 1g)	Công ty CP vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	2	24800/QLD-CL ngày 20/12/2016	2016

TT	Tên thuốc (Số đăng ký)	Hoạt chất Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế (Đóng gói)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Mức độ vi phạm	Công văn thu hồi	Năm
8	Cảm Xuyên Hương (V483-H12-10)	0	Viên nang	Công ty TNHH DP Hà Thành	Việt Nam	2	24799/QLD-CL ngày 20/12/2016	2016
9	Miratel 40 (VN-12172-11)	Telmisartan (40mg)	Viên nén (Hộp 3 vỉ x 10 viên)	Miracle Labs (P) Ltd.	India	2	253/QLD-CL ngày 17/01/2017	2017
10	Franlex 500 (VD-15916-11)	Cephalexin 500mg	Viên nang cứng (Vỉ 10 viên)	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	3	1630/QLD-CL ngày 16/2/2017	2017
11	Enalapril 10 mg (VD-15254-11)	Enalapril maleat (10mg)	Viên nén (hộp 3 vỉ x 10 viên nén)	Công ty CP dược Trung ương 3	Việt Nam	3	2360/QLD-CL ngày 1/3/2017	2017
12	Ampicilin 500 (VD-16903-12)	Ampicilin trihydrat tương đương 500mg Ampicilin ()	Viên nang (Hộp 10 vỉ x 10 viên nang)	Công ty CP DP Hà Tây	Việt Nam	3	2867/QLD-CL ngày 14/3/2017	2017
13	Esalep (VN-12168-11)	Esomeprazole 40mg	Viên nén bao tan trong ruột (Hộp 2 vỉ x 10 viên)	Reman Drug Laboratories Ltd.	Bangladesh	2	2695/QLD-CL ngày 09/3/2017	2017